ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 254 /UBND-TH	*Lạng Sơn, ngày 29 tháng 02 năm 2024*
V/v tham gia góp ý dự thảo Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê	

Kính gửi: Tổng cục Thống kê.

Thực hiện Công văn số 205/TCTK-TTDL ngày 05/02/2024 của Tổng cục Thống kê về việc xin ý kiến dự thảo Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê, sau khi nghiên cứu, UBND tỉnh Lạng Sơn cơ bản nhất trí với nội dung dự thảo và có một số ý kiến tham gia, cụ thể như sau:

1. Đối với dự thảo Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê

Tại ***Điều 1. Phạm vi điều chỉnh*** dự thảo quy định: *"Thông tư này quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh (chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ cấp tỉnh, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh); chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP); chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thống kê và các chỉ tiêu thống kê phục vụ biên soạn báo cáo thống kê tình hình kinh tế - xã hội."*

Đề nghị xem xét bỏ *"áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương"* do đây là nội dung về đối tượng áp dụng được quy định tại ***Điều 2. Đối tượng áp dụng*** của dự thảo.

2. Đối với dự thảo Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê

- Phụ lục I. Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực tài khoản quốc gia:

+ Biểu số 001.H/BCC-TKQG: Nguồn số liệu *"Sở Tài chính phối hợp: Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; Cục Thuế tỉnh",* đề nghị xem xét, bổ sung *"Cục Hải quan tỉnh".*

+ Biểu số 002.H/BCC-TKQG: Nguồn số liệu *"Sở Tài chính phối hợp: Kho bạc Nhà nước cấp tỉnh; Cục Thuế tỉnh",* đề nghị xem xét bỏ *"Cục Thuế tỉnh"* và bổ sung *"Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố".*

- Phụ lục II. Biểu mẫu báo cáo lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản:

+ Biểu số 002.N/BCC-NLT: Biểu mẫu và hướng dẫn thu thập, tính toán chỉ tiêu chưa có giá trị sản phẩm lâm nghiệp. Đề nghị xem xét, bổ sung để phù hợp với tên chỉ tiêu quy định tại Hệ thống chỉ tiêu.

+ Biểu số 003.T/BCC-NLTS: Đề nghị xem xét giữ nguyên các loại cây trồng theo chế độ báo cáo hiện hành và bổ sung một số loại cây chủ lực của địa

phương như thuốc lá, ớt cay,... do nguồn số liệu không đảm bảo báo cáo chi tiết theo từng loại cây; điều tra diện tích cây nông nghiệp, điều tra năng suất sản lượng cây nông nghiệp theo mùa vụ.

+ Biểu số 011.T/BCC-NLTS: Phần giải thích, trang 159, dòng 9, mục b, Phương pháp tính *"...- Đối với lợn, gia cầm: ..."* đề nghị xem xét bổ sung căn cứ *"dựa trên kết quả điều tra chăn nuôi kỳ 01/7, 01/10, 01/01"*.

+ Biểu số 018.N/BCC-NLTS và Biểu số 019.N/BCC-NLTS: Đề nghị xem xét sản phẩm Hồi tại chỉ tiêu *"6. Sản phẩm lấy vỏ"* là không phù hợp với thực tế.

+ Biểu số 020.Q/BCC-NLTS vàBiểu số 022.T/BCC-NLTS: Đề nghị xem xét không bổ sung 02 biểu báo cáo theo tháng hoặc giữ nguyên kỳ báo cáo (hằng quý) và phân tổ chỉ tiêu thủy sản theo chế độ báo cáo hiện hành, do theo quy định tại Quyết định 05/QĐ-TTg, chỉ tiêu T0810 (Diện tích mặt nước nuôi trồng thuy sản) kỳ công bố theo năm; chỉ tiêu T0812 (Sản lượng thủy sản) kỳ công bố là quý, 6 tháng, năm. Đồng thời đối với một số tỉnh miền núi nói chung và tỉnh Lạng Sơn nói riêng, điều tra diện tích thủy sản điều tra 01 lần/năm (kỳ điều tra 01/12) do đó nguồn số liệu không đảm bảo ước tính theo tháng.

+ Biểu số 026.N/BCC-NLTS: Đề nghị xem xét thống nhất ký hiệu biểu, thời gian nhận báo cáo ở mục I. Danh mục và biểu mẫu báo cáo với ký hiệu tại biểu mẫu và phần giải thích biểu; đối với kỳ báo cáo sơ bộ quý IV và cả năm, đề nghị xem xét gộp biểu mẫu với kỳ ước quý I do trùng chỉ tiêu, thời gian nhận báo cáo và đảm bảo tính so sánh, tránh việc chồng chéo, quá nhiều biểu, số liệu trong một kỳ báo cáo.

- Phụ lục III. Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực công nghiệp

+ Đề nghị xem xét, bổ sung các biểu mẫu báo cáo*"Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng, quý"*và*"Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng, quý"*. Vì theo quy định tại Quyết định 05/QĐ-TTg, chỉ tiêu T0901 (Chỉ số sản xuất công nghiệp) và chỉ tiêu T0902 (Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng, quý) kỳ công bố tháng, quý, năm và Cục Thống kê hiện đang thực hiện theo chế độ báo cáo hiện hành.

+ Đề nghị xem xét, bổ sung các biểu báo cáo*"Biểu số 005.Q/BCC-CNGH: Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý"; "Biểu số 006.Q/BCC-CNGH: Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo quý"; "Biểu số 007.T/BCC-CNGH: Chỉ số sử dụng lao động của doanh nghiệp công nghiệp tháng"; "Biểu số 008.Q/BCC-CNGH: Xu hướng kinh doanh ngành công nghiệp quý"*. Vì các biểu này hiện nay vẫn đang thực hiện theo chế độ báo cáo hiện hành.

+ Biểu số 005.N/BCC-CN: Phần danh mục biểu (trang 1)*"Báo cáo chính thức doanh thu, nộp ngân sách của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp",* đề nghị cơ quan soạn thảo xem xét bỏ cụm từ nộp ngân sách và sửa lại là *"Báo cáo chính thức doanh thu của cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể ngành công nghiệp"* để thống nhất với tên biểu ở phần Biểu mẫu báo cáo thống kê (trang 12).

- Phụ lục IV. Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực vốn đầu tư và xây dựng:

Tại các Biểu số 001.T/BCC-XDĐT, Biểu số 002.H/BCC-XDĐT, Biểu số 003.Q/BCC-XDĐT và Biểu số 010.Q/BCC-XDĐT: Thời gian nhận báo cáo theo dự thảo sửa đổi chênh lệch ngày nhận báo cáo so với các chuyên ngành, nghiệp vụ khác như nông, lâm nghiệp và thủy sản; thương mại và dịch vụ). Đề nghị xem xét, rà soát thời gian nhận báo cáo phù hợp với các quy định, hướng dẫn thực hiện.

- Phụ lục V. Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực thương mại và dịch vụ:

+ Phần "*Ghi chú"* ở cuối các biểu mẫu báo cáo Biểu 001. T/BCC-TMDV đến Biểu 006. T/BCC-TMDV:

Báo cáo tháng 6 bổ sung thêm cột ghi ước tính 6 tháng và cột so sánh 6 tháng với cùng kỳ năm trước.

Báo cáo tháng 9 bổ sung thêm cột ghi ước tính cả năm, cột so sánh với cùng kỳ năm trước (lần 1).

Báo cáo tháng 12 bổ sung thêm cột ghi ước tính cả năm, cột so sánh với cùng kỳ năm trước (lần 2"

Đề nghị xem xét bỏ *"Báo cáo tháng 6…"* do báo cáo tháng 6 đã có cột cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo, chính là số dự ước 6 tháng, cột cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước, chính là cột so sánh 6 tháng với cùng kỳ năm trước; bỏ *"Báo cáo tháng 12…."* do báo cáo tháng 12 đã có cột cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo, chính là số dự tính cả năm, cột cộng dồn từ đầu năm đến tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước, chính là cột so sánh với cùng kỳ năm trước.

+ Phần hướng dẫn cách ghi biểu: Trang 5 và trang 25 *"Lưu ý: Báo cáo tháng 6 bổ sung thêm cột ghi ước tính 6 tháng và cột so sánh 6 tháng với cùng kỳ năm trước; Báo cáo tháng 9 bổ sung thêm cột ghi ước tính cả năm và cột so sánh với cùng kỳ năm trước lần 1; Báo cáo tháng 12 bổ sung thêm cột ghi ước tính cả năm và cột so sánh với cùng kỳ năm trước lần 2"*, đề nghị xem xét, sửa lại là*"Lưu ý: Báo cáo tháng 9 bổ sung thêm cột ghi ước tính cả năm và cột so sánh với cùng kỳ năm trước".*

+ Biểu số 004.T/BCC-TMDV và Biểu số 005.T/BCC-TMDV: Đề nghị xem xét gộp chung các chỉ tiêu trong 02 biểu này thành 01 biểu để thuận tiện trong thực hiện tổng hợp, báo cáo chung về doanh thu của hoạt động dịch vụ khác.

+ Đề nghị xem xét, bổ sung quy định biểu mẫu đối với các chỉ tiêu, báo cáo thuộc lĩnh vực Thống kê giá do theo chế độ báo cáo hiện hành, Cục Thống kê cấp tỉnh đang thực hiện hệ thống báo cáo với danh mục biểu mẫu như sau:

DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁ

Số TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo
1	2.2.1/TKG	Báo cáo chỉ số giá tiêu dùng kỳ 1	Tháng

Số TT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo
2		Báo cáo chỉ số giá tiêu dùng kỳ 2	Tháng
3		Báo cáo chỉ số giá tiêu dùng kỳ 3	Tháng
4	1.3/TGCSGTinh_Thang	Báo cáo chỉ số giá sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	Tháng
5	3.1/CTK-CSGCN	Báo cáo chỉ số giá sản xuất công nghiệp	Tháng
6	4.1/CSG.NNVL-NN; 4.2/CSG.NNVL-CN; 4.3/CSG.NNVL-XD; 4.4/CSG.NNVL-TH	Báo cáo chỉ số giá nguyên, nhiên, vật liệu dùng cho sản xuất	Tháng

UBND tỉnh Lạng Sơn kính gửi Tổng cục Thống kê xem xét tổng hợp./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Thống kê;
- C, PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, TTTT;
- Lưu: VT, TH (VMĐ).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Lương Trọng Quỳnh